

## PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

### QUYỂN 1

(Phần Hạ)

Giải thích phần “liệt kê chúng”. Đầu tiên, biện rõ thứ lớp, nói “nhiều như vậy”, nghĩa là trong kinh cũng có Bồ-tát sau sẽ liệt kê, đều có chỗ tiêu biểu. Như Kinh Hoa Nghiêm không liệt kê hàng Thanh văn, thuần là Bồ-tát không lẫn lộn. “Xưa giải”: Phần nhiều là ngài Quang Trạch cùng đồng ý với Đại luận cho nên không biệt phá, chỉ tổng kết nói “tợ như hai giải thích”. Trong câu “Nghĩa giải tự ước giáo v.v...” thì chữ “v.v...” là: Sự như nhân duyên, phải đầy đủ Tứ Tất-đàn, Nghĩa tự ước về giáo lại phải luận tám. Sự tức thân, cho nên thân sơ, Nghĩa tức đế lý, cho nên nói Niết-bàn v.v... Hình phục sai khác nên là nghĩa Thế giới Tất-đàn, “Thân” sinh thiện, “sơ” phá ác, không thân không sơ tức Đệ nhất nghĩa. Trong “nghĩa có” đã dùng ba đế, do đế đối giáo thì bốn có thể biết. Đối với bốn: Tạng v.v... mà biện rõ bốn: Tiệm v.v..., nghĩa kia có thể biết. Lại hai cặp nghĩa đều ưa Niết-bàn và bốn Bồ-tát đều không ưa không đấm, cho nên đều ở Trung, chỉ đến thật lý mới gồm năng lợi người, cho nên ở Trung cầu tông chỉ siêu phàm thánh kia. Nếu coi “nhập Trung” là Bồ-tát, thì chỉ Biệt giáo địa thượng Viên giáo trước sau. Chú gia nói: Thanh văn học “sơ”, thúc giục bên trong, Bồ-tát đạo “thân”, quên bên ngoài. Đây chỉ được Sự mà mất Nghĩa, tự Tích mà mê Bản, hướng lại quán tâm nhân duyên ư?

“Giải thích theo Bản tích” kinh này liệt kê chúng vượt ra ngoài các kinh, bởi vì Nhân, Thiên, Nhị thừa người năng dẫn vốn chẳng phải hạ địa, chúng sở dẫn kham thông biệt ký. Nói “thông”, là ý bao gồm. Nên nói: “Nội bí “đều là Đại tất-đỏa”, vì có khả năng “tích dẫn Nhị biên”, phán định chẳng phải phàm phu, Tiểu thừa. Cho nên, nói Tất-đỏa. Bồ-tát lạm Bản nên lại không luận; nên biết cũng lại căn cứ thể dụng luận.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, thì “hậu vân vân” là: Cũng nên căn cứ nhân duyên nêu rõ quán các giáo khai hiển và Bản

Tích quán.

Giải thích “liệt kê Thanh-văn”, căn cứ Pháp Hoa luận dùng tám nghĩa: Trước nêu Thanh văn.

1. Hiển rõ tự thân nghe, sau không hủy báng.
2. Nhiếp bất định tánh, hồi tâm nhập Đại thừa.
3. Trừ tôn quý mạn chẳng cứu cánh.
4. Thường theo bên Phật.
5. Hình nghi đồng.
6. Khiến nội quyến bỏ sự ham muốn.
7. Khiến Bồ-tát cung kính.
8. Khiến chúng sinh tin.

Nhưng tám nghĩa trong luận chỉ có một nửa nghĩa thứ hai riêng thuộc kinh này. Do tánh bất định ở cõi này đặc, vẫn thiếu một nửa. Nếu tánh định thì cõi kia đặc, vị lai đặc. Bảy nghĩa còn lại luận chúng trước sau, thông các kinh. Dùng nghĩa thứ hai vào trong bảy nghĩa còn lại, khiến bảy nghĩa ấy mỗi một nghĩa đều có nghĩa thứ hai, mới khiến tám nghĩa hoàn toàn tại kinh này. Nếu nương ý này thì lại có ba nghĩa: muốn biệt ký, biệt khai quyền cho nên trước hiển Bản, bởi vì khiến các nghĩa còn lại vĩnh viễn khác với giáo xưa, cho nên luận về văn ý các kinh nhiều như vậy, do đó thông thích. Nay khiến các giáo tuy cùng lại khác. Phương Đẳng trước liệt vào hạng dùng bốn nghĩa: Vì muốn bài xích đoạt, muốn mật dẫn, khiến thể tin, khiến vị biến đổi. Bát-nhã cũng có bốn ý: muốn đào thải, muốn giáo phó nghiệp, mật dẫn tiến, thành Thục-tô. Cho nên, biết văn Luận thông hai vị trước, như đều có bốn loại khác trước sau.

Luận lại nói: Trước Tăng sau Ni cũng có tám nghĩa:

1. Nam tôn quý, nữ thấp kém.
2. Nhập đạo trước sau.
3. Thầy trò không đồng.
4. Truyền pháp có và không có khả năng.
5. Kết tập tiến thoái.
6. Đồng trụ được, không.
7. Nhiều ít nhường lại.
8. Đặc tán thán có không.

Tám thứ này hoàn toàn thông Tam-muội trước, phần nhiều tại giáo có vị Lạc. Nếu chuẩn đồng là Thanh-văn, thì vẫn thiếu ý thứ hai. Nay trong biệt chỉ trừ giao phó nghiệp, chuẩn theo nghĩa vẫn có, bởi vì đồng là Tỳ-kheo nghe chuyển giáo, nên khi giao phó nghiệp chẳng phải

hoàn toàn không có phần, các nghĩa còn lại đều đồng nghĩa Tỳ-kheo. Trong năm vị, chúng đương thời Tiêm giáo thì nghĩa đó không khác. Tiếp, nêu xưa giải thích nói: “Đại Tiểu danh văn”: ý nói: Danh tức là tên mình, văn tức người khác nghe, do đó danh lớn nghe lớn, danh nhỏ nghe nhỏ. Nay chỉ “y văn” nên phá bỏ giải thích không căn cứ kia. Nói “y văn”: Chỉ căn cứ liệt kê nhiều ít để nêu rõ sự hiểu biết nhiều ít. Trước liệt kê “một vạn hai ngàn”, lại nói là “chúng sở tri thức”, sau nói “hai ngàn” lại không nêu “tri thức”. Nếu dùng “danh văn” để giải thích tri thức, thì văn sau hoàn toàn không có “tri thức”, làm sao có danh Tiểu, huống chi lại Đại Tiểu thừa hoàn toàn không nhờ vào đây? Đầu “giải thích loại”, trước giải thích chung năm chữ, tiếp “Thích luận...” giải thích riêng bốn nghĩa, Tỳ-kheo hợp. Đầu giải thích chung năm chữ thâm nhiếp “các người có đức” cùng những người được nêu là “đại”, đâu chỉ khác với chúng dưới mà thôi, trong chúng Tỳ-kheo tiêu chuẩn đó lại nhiều. Ví như: bốn môn, ba giải thoát, chiết thể, thông trí biện Không, chỉ được nói là danh dự cao, còn đức hạnh đâu có thể luận đủ. Nay nói như hạng người cao quý. Tiếp, riêng giải thích bốn nghĩa: Đầu, “Thích luận...” là giải thích riêng chữ “cùng với”(dữ). Đầu văn tức Nhân duyên giải thích. Nếu chia bảy nghĩa theo Tứ Tất-đàn, thì: Thời, Xứ là Thế giới; Giới là Vị nhân; Tâm, Kiến là Đối trị; Đạo, Giải thoát là Đệ nhất nghĩa. Nếu chuẩn theo ba thứ trước tại giáo xưa, thì bảy nghĩa chỉ có ba Tất-đàn “Đạo, thoát...” đều thuộc ý Đối trị. Viên giáo thì bảy nghĩa Nhất đều thuộc bốn Viên. Căn cứ giáo tuy Biệt cứu cánh mà chỉ có Viên, tuy bảy mà đồng cho nên bảy gọi là Nhất. Nhất tức là cùng chung. Tứ giáo chẳng đồng thông tại năm vị, đầy đủ thì như các kinh, không thể thuật hết.

Lại nữa, căn cứ tán thán đức ở Tam tạng giáo: Đồng cảm Phật “thời”, đồng “xứ” Lộc uyển, đồng “giới” biệt giải thoát, đồng nhất thiết trí “tâm”, đồng vô lậu chánh “kiến”, đồng ba mươi bảy trợ “đạo”, đồng hữu dư “thoát”, đồng là người nghe. Khi nhập Thông tựa đã được thọ ký, toàn thành người Viên giáo bảy Nhất, đồng diệu cảm ứng “thời”, đồng thấy diệu y “xứ”, đồng đắc cứu cánh “giới”, đồng chứng chủng trí “tâm”, đồng vô tác chánh “kiến”, đồng viên thật “đạo” phẩm, đồng bất tư nghi “thoát”. Được thọ ký rồi, tức đồng Bồ-tát, đâu được lại dùng Thanh văn tán thán đức? Lê nào người kết tập lâm hạ thấp đức? Cho nên biết tại bốn vị, thời tùy vị mà biến. Kinh gia tùy theo Bản liệt kê ở Thanh văn, cho nên y Bản tán thán. Nếu không vẫn là Bản, thì sao biết Thanh văn có Quyền có Thật. Thật: thì được thọ ký, biết có chỗ theo.

Khi nghe Pháp Hoa thì Đại tiểu có khác nhau. Cho nên, căn cứ giáo phán xét phải thông suốt trước sau. Bảy nghĩa theo ba giáo, thì hoặc bản là ba, hoặc là chuyển nhập. Đầu, căn cứ Tam tạng giáo thì một thứ bảy Nhất vì sinh diệt đồng. Thông giáo thì có hai thứ bảy Nhất, vì phân lợi độ, lợi gồm Viên và Biệt, lẽ ra nói ba thứ bảy Nhất. Lại, Thông thì nói chung là đồng vì một tiêu chuẩn, Biệt thì nói vô lượng. Tự hành hóa tha ngang dọc đều bốn môn, mỗi một môn Tứ Tất-đàn nhập không đồng, Viên giáo nhất là Phát tâm và Tất cánh hai thứ không sai biệt. Nói nên đối bốn giáo vì tế nêu rõ cho đến giáo vị, trước phán sau khai. “Nếu chưa...”: một câu ước về Bản tích giải thích, cũng là căn cứ thể dụng mà luận Bản tích. Biệt giáo thì không có Thanh văn, chỉ nói Tạng Thông, nếu Thông bao hàm Biệt cũng có thể luận, vậy thì lược. Lại, Thời và Xứ hai sự lại căn cứ giáo mà luận, cho nên nói Thời Xứ trong Tạng tạng giáo lại là một. Nếu theo thời xứ nguyên sơ đặc đạo, hoặc nhiều người cùng xứ, thì lược nêu như văn này, hoặc một người nhiều xứ thì như trong A-hàm nhiều thời xứ.

Hỏi: Đến đây đâu được hai hạng Thanh văn ư ?

Đáp: Cũng là từ đâu nói, đầy đủ như Huyền văn. Rộng trải qua các vị, khó chuyển dễ chuyển. Lại, có khi không trải qua chiết pháp vì vốn người Thông giáo v.v...

“Trực tiếp nêu hai ý...” là muốn nêu rõ khai hiển. Trước lại biện khác. Nói khác ấy là an trí bảy thứ đồng. Lại bảy thứ trong Tạng Thông mà biện khác, thì có ba khác bốn đồng. Vì sao? Vì Thời, Xứ... bốn thứ không thể không đồng, như sở hội sở y sở bảm sở chứng. Hoặc ba thứ: Tâm v.v..., sao có thể không riêng khác? Vì riêng tu, riêng kiến, riêng hành, đây vẫn là nhất vắng, cũng có thể giới pháp theo riêng mỗi mỗi đều đặc, giải thoát từ người mỗi mỗi đều chứng; vậy thì năm cái khác hai cái đồng. Lại, nếu từ người thì cũng có thể đều riêng biệt. Nay giải thích nghĩa chung, không hợp để luận. Nghĩa phân ra ba, bốn mới thành rộng rãi, Cho nên, lại từ bảy đồng để nói. Đồng và khác theo Biệt giáo, thì nói theo chuẩn có thể biết. Tiếp “Nếu đến...” chính là nêu rõ khai hiển. “Pháp Hoa luận” nói rõ: Được khai thì có quyền có thật, Chưa khai thì đầy đủ bốn, Khai rồi thì chỉ một. Nay “thêm hạng Phát đạo Thanh văn”, vì căn cứ người mới nhập. Trong luận nêu “bốn hạng Thanh-văn” là quyết định, tăng thượng, thoái đại, ứng hóa. Luận tự giải thích: hai hạng sau được thọ ký, hai hạng trước không thọ ký, vì căn độ chưa thuần thực. Lại căn cứ hội này tức trong kinh nói “Sinh diệt độ tướng”, là tánh quyết định. Nếu người kia được nghe mà trong luận

chưa nói, thì ngài Thiên Thân há có thể mê kinh ư? Kinh nói: “Mà ở cõi kia được nghe Kinh này.” Luận lại một phen căn cứ hiện tại nói, vì vậy Sư nay chỉ loại trừ hạng thượng mạn, tức năm ngàn người đứng dậy bỏ đi. Tuy từ tòa bỏ đi vẫn phán trong Niết-bàn. Nếu bốn hạng Thanh văn y biên được nghe, thì hạng thượng mạn ấy cũng chẳng phải không nghe. Đã nghe lược khai và ở sau, chỉ vì không thể nói hội đây được thọ ký. Ba thứ chủng, thực, thoát từ đầu đến cuối không thể phước, cho nên chuẩn theo văn nay, viển cận tương vọng, bốn hạng đều đắc. Nay nói “Trụ quả” bao gồm cả Quyết định và thoái Bồ đề. Vì “Trụ quả” biến đổi sai khác cho nên phân hai giáo, cho nên hai hạng tổng lập “Trụ quả”. Lại, “Phật đạo Thanh văn” căn cứ nghĩa kinh mà lập, nếu vậy thì hai hạng Phật đạo và Ứng hóa Thanh văn đều có Biệt Viên.

Hỏi: Ứng hóa và Phật đạo có gì khác biệt?

Đáp: Ứng hóa Thanh văn, là căn cứ thù tích, toàn là các vị Thánh xưa. Phật đạo Thanh văn, là căn cứ lợi tha, là người mới được thọ ký. Lại, “Ứng hóa” từ thân, “Phật đạo” từ thuyết. “Phật đạo” có nói lệnh khiến người khác, lại nói lợi tha. “Ứng hóa” có nghĩa phát khởi, lại nói thù tích, đã dùng Thanh văn làm tên. Ở xưa không gọi là Ứng hóa và Phật đạo, tại nay không gọi là Trụ quả và Quyết định. Trong hạng tăng thượng mạn há không có Ứng hóa? Tứ nhiếp đồng sự sao có thể ngăn cách hạng này ư? Huống chi trong luận thì hạng Quyết định và Thượng mạn đã đồng nói là chưa thuần thực. Không thể Thượng mạn căn cũng mục nát. Nơi khác nói: “Chưa” là “không” vậy, nên người chưa chết gọi là không chết. Hạ chủng chưa sinh gọi là không sinh, cho nên cả hai hạng Thượng mạn và Quyết định đều có thể phát, là nghĩa quyết định. Lại, trong đây dẫn luận giống như “Giải thích theo Bản tích”, Ứng hóa là Bản, ba hạng Thanh văn còn lại là Tích. Hóa vì ba hạng Thanh văn còn lại không có nghĩa khác! Chỉ thiếu quán tâm, tức bảy nghĩa Nhất của hai giáo trước là cảnh, bảy nghĩa Nhất của hai giáo sau là quán. Lại Thời, Xứ, Giới, là cảnh. Tâm, Kiến, Đạo, Thoát là quán. Nghĩa Thanh văn thì mênh mông, quý nhân chẳng luận, nhưng dùng giáo để nói Đại thừa Thanh văn thì chưa được thông hiểu. Nay nói Ứng hóa, là theo Bản mà nói, căn cứ chúng hoàn toàn ở trong Tiểu thừa. Nói “mênh mông” nghĩa là: Tạng Thông... tám môn, mỗi môn bốn thứ, mỗi môn đều có “Phật đạo Ứng hóa”. Tích tại giáo trước, lại đồng số trước. Căn cứ Bản, lại ứng với Địa, Trụ. Địa, Trụ và hành hưởng Địa, Thượng mạn sở lạm lại đồng số trước. Nơi khác thì không căn cứ giáo, xưa nay, Bản tích, quyền thật, khai hợp v.v... để giải thích, mà chỉ nói

trụ quả và phương tiện v.v... Vì vậy, nên quý nói do chứng Niết-bàn. Nói “vân vân”, là đủ như trước nói.

Giải thích chữ “đại”: Trước đã giải thích chung với chữ “dữ” (cùng với). A-nan cùng hai vạn người kia: Không phải trực tiếp cùng với người mà nên cùng với người có bảy thứ. Trong bảy thứ ấy đều là “đại” cho nên nói “cùng với đại”. Chữ “cùng với” đã có bốn giải thích không đồng, nghĩa chữ “đại” theo lý phải căn cứ theo kia. Lại, trước nghĩa chữ “cùng với” bao gồm Thời v.v..., nay giải thích chữ “đại”, chỉ ở người đầy đủ bảy, lại gồm nghĩa Đa thắng. Lại, giải thích chữ “cùng với” nghĩa gồm năng, sở. Nay giải thích chữ đại chỉ có sở. Đây theo A-nan chỉ người khác là đại. Trong đây đầu tiên dẫn luận văn vì Đại phẩm tại tiểu tâm chưa chuyển. Tiếp, nay ý Sư cũng đầy đủ ba văn, do mỗi một văn cũng bao gồm ba nghĩa trong luận. Lấy ba nghĩa này thông gồm Tứ Tất-đàn. “Đại” tức Thế giới, “đa” tức Vị nhân và Đối trị, “thắng” tức Đệ nhất nghĩa. Lẽ ra nói rõ đầy đủ ba niệm cùng ngoại nhân có khác, và dùng ba niệm đối với nguyên do “đại, đa, thắng”, trở lại đem ba niệm để đối Tứ Tất-đàn, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển mười ghi. “Tứ Vi-đà”: Như dưới Kinh sơ quyển năm và Chỉ Quán quyển mười nói. Tiếp, trong phần “Căn cứ giáo để giải thích”, ghi lại phần đầu giải thích phán xét thuộc Tam tạng. Căn cứ văn trước, nên chỉ nói là “sở kính...” Trước từ: “Nay nêu rõ...” là ứng nghĩa thông thiên viên, do trong văn trước lại đối ngoại giải thích, cho nên nói “giải thích theo Tam tạng”.

Tiếp “Đại, là...” là căn cứ ba giáo sau. Đầu tiên nêu nghĩa “đa”, chỉ là căn cứ sự, ba thứ sau không thể lại thêm số kia, chỉ căn cứ sở tri để giải thích “đa” kia (nhiều). Trước là giải thích theo Thông giáo “đại đa thắng” ba chữ, mỗi chữ đều đủ ba nghĩa. Phần sau này về sau dần dần ưu việt hơn trước. Căn cứ Biệt Viên: Xưa tức từ ban đầu, nay từ khi được thọ ký, biệt còn giáo đạo. Nói “đại lực La-hán”: là “đại” trong hàng La-hán, tức là Vô nghi giải thoát.

Tiếp, trong phần “Giải thích theo Bản tích”, đầu tiên thuật ba thứ “đại, đa, thắng” trong Bản, tiếp từ “Trong Tích...” là thuật ba thứ “đại, đa, thắng” trong Tích. Đầu tiên nêu bản đại, tiếp “Bản đắc...” là nêu bản thắng; tiếp “trước đã...” là nêu bản đa. “Than thở”, mưu sự, mưu tính nên mới than chẳng phải thường như vậy. Nói “Thắng tràng” là mượn văn Đại phẩm. Nói “vượt qua (siêu) các ngoại đạo”: Chuẩn theo lý nên nói vượt qua các thiên, Tiểu, chỉ vì sở siêu tuy gần mà năng siêu thì xa, đối lý cũng thành. Tiếp, “trong Tích”, đầu tiên chỉ ái kiến tức

tại Nhữ vị, cho nên ở đây năm vị thông một vạn hai ngàn, hoặc Quyền hoặc Thật đều phải kinh qua. Nay theo Quyền, cho nên nói Tích. “Lâu rồi vậy vân vân”: đều có Bản từ lâu, tùy Bản dài ngắn, trung gian thiết hóa ngày nay cũng tại Thích Tôn trải qua các vị.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, trước trực đối ba, tiếp tuy căn cứ Trung nêu đầy đủ “đại, đa, thắng” mà cũng là ứng với căn cứ Không, Giả đều cả ba. Nói “nhất tâm, nhất thiết tâm”: Tâm cảnh đều có tâm đều thâm nhiếp tất cả. Tất cả không ngoài Tam thiên; đầy đủ như văn Chỉ Quán quyển 5 nói. Nếu chẳng phải Tam thiên thu nhiếp thì không khắp. Nếu chẳng phải Viên tâm, thì không thu nhiếp Tam thiên. Cho nên, Tam thiên tổng biệt bao hàm Không Giả Trung. Một văn đã như vậy, văn khác căn cứ theo đây, cho nên hướng đến nghĩa năm vị thông cả trên dưới, văn nương trong đó.

“Giải thích nghĩa Tỳ-kheo”, dẫn lời ngài Triệu Công trong Số Tịnh Danh nói ngài La-thập và bốn đệ tử thuộc đời Ngụy Tần, cho nên gọi là “Tần nói”.

Triệu Công nói có bốn nghĩa:

- 1) Tịnh mạng khát sĩ.
- 2) Phá phiền não.
- 3) Năng trì giới.
- 4) Bố ma.

Ngài Cưu-ma-la-thập nói nghĩa một là “đầu”, ba nghĩa sau là “cuối”, đầy đủ hai thứ này thì ma bố (sợ), Phá phiền não và Năng trì giới là nhân Bố ma. Dẫn luận thiếu nghĩa Năng trì giới, phá ác chỉ là Phá phiền não. Cho nên, chỉ ba nghĩa mà thứ lớp không đồng và chung cả sơ tâm khiến ma sợ... cho nên nói phá ác. Vả lại tại thân khẩu, chẳng phải không đoạn hoặc. Đã đều ở ban đầu khiến nghĩa của ngài La-thập hoại, sao lại để Trì giới Phá hoặc ắt tại “cuối cùng”? Lại ngài Triệu Công chỉ dịch tên kia mà nói danh bao hàm, không nói đầu cuối, nay học giả sao khiến ma sợ ư? “Ngũ hệ”: Đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. “Thứ nhất Điền...”, Điền tức nông. Nên nói “tại gia bốn thứ như pháp” lại thêm Công. “Niết-bàn bảo lương...” nêu kinh nghĩa lược, tuy lại không đủ ba nghĩa bốn nghĩa, mà phá ác là căn bản. “Nay nêu rõ ba nghĩa này nên thông đầu cuối”, là nghĩa thì nếu căn cứ giáo gồm bài xích hai ngài Triệu, Thập. Nay chẳng phải chỉ dùng luận văn thông sau, lại thông các giáo, hướng chi luận chỉ thành một giải thích theo Nhân duyên. Nếu ở trong đó lập tứ Tất-đàn, thì Bố ma tức Thế giới Tất-đàn, Khất sĩ tức Vị nhân, Phá ác tức Đối trị, xuất giới tức Đệ

nhất nghĩa. “Y Kinh gia...” nghĩa ắt thông ban đầu, chứng tín ắt về sau, hướng đến trong giải thích Khất sĩ dùng “câu” để giải thích “khất”, mới dùng lia tà trải cảnh cầu định v.v... là Tam tạng giáo. Chưa thể đối cảnh tức lý, cho nên đến Thông giáo mới nói lý cầu chân phá chướng... Biệt giáo nói tám ma mười ma: Phá ác đã giải thích nghĩa ma rất sâu, cần phải xa, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Trong Viên giáo, chẳng phải không phá tám phá mười, chỉ coi Thật tướng là chánh, Phá ác là phụ. Bồ ma cũng vậy. Trong phần “Giải thích theo Bản Tích”, các Tỳ-kheo ở đây sâu cạn chẳng lường cho nên chưa thể định phán địa vị kia. “Tích chỉ bày năm vị”, nếu không căn cứ năm vị thì chẳng phải Tỳ-kheo của kinh này.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” thì “Gông cùm”: Là chân tay bị trói buộc. Hai đế như gông cùm, “đại tuệ” như cởi trói. Vận niệm là “vô trụ”, vọng cảnh là “vô trước”, cho nên không đấm trước cảnh trí thì ra khỏi hai nhà sinh tử. “Khất sĩ, Bồ ma” căn cứ giải thích có thể thấy... Trong câu “tức là Bồ-ma vân vân”, thì chữ “vân vân” là: Trung quán đã vậy; Không, Giả và dùng thứ lớp không thứ lớp... đối giáo có thể thấy.

“Chúng”: Dùng một vạn hai ngàn, sự pháp hòa. Nếu làm Tứ Tát-đàn, thì: phần đầu là Thế giới Tát-đàn, vì chúng hòa hợp. “Phật thường...” là Vị nhân, vì sinh vật thiện. “Thích luận...” là đối trị, vì phân biệt người ác. “Trong đó...” là Đệ nhất nghĩa, vì tại chân thật. Nói “Sự hòa...” là Tăng, giới, pháp... đều thuộc sự. “Pháp hòa”: như bảy thứ cộng trước, đồng chân lý. “Chín mươi người đắc tam minh”: Trong đó gồm hai mươi chín văn đồng. Xá-lợi-tử hỏi Phật: Trong năm trăm Tỳ-kheo có bao nhiêu người đắc Tam minh, bao nhiêu người Câu giải thoát, bao nhiêu người Tuệ giải thoát? Phật đáp, như văn. “Tam minh”: tức vô nghi giải thoát, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bảy nói. “Tịnh mạng”, nói đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. “Năm phương tiện”: Tứ niệm xứ và Tứ thiện căn. Ngũ đình tâm thì không phải pháp chánh quán. “Khổ pháp nhãn trở đi”: sau Thế đệ nhất có mười sáu sát na. Đệ nhất tâm trở đi, thì gọi là chân thật. “Thiên Viên năm vị”: năm vị không ra ngoài Thiên Viên, Thiên Viên không ngoài bốn giáo. Nói “Nay chánh là...”: Đương chứng tín thời, đã thấu hoạch thọ ký.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, thì trong câu “Dẫn các chúng sinh vân vân”, chữ “vân vân” nghĩa là: Đầy đủ như Huyền văn quyển bảy nói, trong nhị đế thì quả thật là căn cứ năm vị để nêu ý giáo vượt ngoài tướng trạng kia.



Tiếp, trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, nói “Nếu khác...” là dựa vào kinh này thành pháp quán. Nếu không y trung đạo tuệ mạng quán hành thì nên gọi là “Tăng phá mười giới”. Không giải tướng cứu cánh Ba-la-mật, nhất tâm thập giới thuyên lượng luật, gọi là “Tăng ngu si”. Ngũ phẩm lục căn, gọi là “Tăng tà quý”. Sơ trụ trở đi gọi là “Tăng chân thật”. Cũng hợp với chú thích... Trải qua nhị đế thập giới trước... và ước bốn giáo khắp làm tướng quán. Trong “phần thứ hai nêu Số” nêu thẳng số tức Nhân duyên. Cũng có thể trong nghĩa đó lập tứ Tất-đàn: Số sai khác là Thế giới Tất-đàn, nghe số sinh thiện là Vị nhân, phá ác nhập chân, theo lệ có thể biết. Không giải thích theo giáo, vì giáo biệt số đồng nên giải thích không sai khác. Nếu tùy số sinh giải tức là giáo sai khác.

Hỏi: Phàm liệt nêu chúng và người đắc đạo vì sao số kia chắc chắn hoàn toàn không thiếu?

Đáp: Đại luận trong phần giải thích câu kinh “Một phần năm ngàn trong số lớn”, nói rằng: “hoặc tăng ít hoặc giảm ít vẫn còn là số lớn.

Trong phần “Giải thích theo Bản Tích” nói “Bản là...” thì có người thắc mắc:

Hỏi: Phàm nói Tích thì đều trước là có Bản, lẽ nào một vạn hai ngàn nguyên đều là đại quyền? Nếu vậy, thì chỉ có năng dẫn mà không có sở dẫn ư?

Đáp: Lý thật như vậy, chỉ muốn chia đều dùng bốn nghĩa cho nên nói “đều có”, nhưng Bản không đồng, sự cần phân biệt. Nếu đã nhập Viên vị, thì người năng dẫn thành hai chúng Phát khởi và Ảnh hưởng, rõ ràng Bản là Bồ-tát, giáng xuống đây rồi, ngoài từng phát đại tâm cũng gọi là Bồ-tát. Người vốn trú Tiểu thừa thì đối với kinh Đại thừa chưa từng phát tâm, còn gọi là Bồ-tát. Trong đây đầy đủ có Thoái đại, Ứng hóa và vốn trụ Tiểu thừa. Hạng Thoái đại, Trú tiểu thì sau được thọ ký đều có thể làm chúng Đồng nghe.

Hỏi: Tam chu thọ ký số người không nhiều, số đó không ở hội khiến vì chuyển nói, những người này lại chẳng phải, trong giới hạn của chúng Đồng nghe, vì sao trong đây một vạn hai ngàn ư?

Đáp: Trong tam chu số chánh tuy ít, như khi Xá-lợi-phất được thọ ký, bốn chúng tám bộ được chuyển theo, cho nên trong tam chu cũng có hạng Ứng hóa cùng thực hành, đồng thời được thọ ký, cho nên trong Luận nói: “Thoái đại Ứng hóa hai hạng cùng được thọ ký”, tức ý kia vậy.

Như chúng Bồ-tát chỉ nêu tám vạn, phẩm Phân Biệt Công Đức thì

số được thọ ký có lẽ nhiều, nên biết hai chúng Đại tiểu liệt kê thành chúng Đồng nghe, không thể mong được thọ ký.

Trong phần “Giải thích Số theo Quán tâm”, thì Giới, Nhập mỗi mỗi đều đủ mười giới, chính là đương diêu cảnh, các văn chỉ nương năng quán quán thôi! Núi và thành tuy căn cứ ấm làm sở quán, cũng chưa kết thành cảnh bất tư nghì. Lại đem số nhập vào Lý, số đó tức thành cảnh, cảnh quán tương đối đều gọi là “pháp môn”. Lại, cảnh căn cứ Giả biên mà lại còn số kia. Không, Trung còn không có, thì số kia làm sao có? Nhưng phải căn cứ Giả để lập Không, Trung, quán cũng như vậy.

Trong “phần thứ ba: Giải thích Vị”, ban đầu nói “đều là La-hán”, căn cứ sau thì đều thành đại Bồ-tát, tức căn cứ giáo thì là người Viên vị. Trong đó trước dịch tên thì nghĩa đương nhân duyên, tiếp xen lẫn nhân duyên để thành sơ giáo. Trong nhân duyên đầu tiên nói rõ nghĩa “hữu phiên”. Kinh A-Bạt nói nêu cả hai năng và sở. Ứng là trí năng chứng, chân là lý sở ứng. Người dùng trí ứng lý, cho nên nói “ứng chân”. Kinh Thụy Ứng nói: “Tuy giống như nêu cả hai mà ý chỉ năng chứng, chân là sở chứng. Người chứng chân nên gọi là chân nhân. Ba nghĩa như sau giải thích. Tiếp. Trong “vô phiên” có ba”: 1. Từ quả giải thích; 2. “Hoặc nói...” là từ nhân; 3. “Nếu luận...” là phân biệt danh sở từng. Trong nghĩa đầu tiên nói “ruộng đời sau...”: “Đời (thế)” chỉ là hữu, đây đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói.

“Chín mươi tám sử”, là trên tám mươi tám sử gia thêm mười tư duy. Nếu làm nghĩa Tứ Tất-đàn thì ban đầu nêu “hữu phiên” tức Thế giới, trong “vô phiên” chung nhân là Vị nhân, sở từng là Đối trị, từng quả là Đệ nhất nghĩa. Căn cứ trong giáo, nói “Bất tặc” cũng là theo Nhị thừa mà đặt tên. Nếu đối Viên Biệt thì vẫn còn gọi là “tặc”, vì vậy nên phải “sát”. “Bất sinh sinh”: Thủ vô vi chứng, sinh nơi giới ngoại, bất sinh đó là sinh cho nên không khiến sinh. Cùng cho sở ứng kia, gọi là “Cung ứng”. Như trong Kinh A-hàm nói: “đức Phật đến A-lan-nhã, nói với các Tỳ-kheo rằng...”, đây đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. Lại, nên phân ra hai giáo trước pháp năng sát sai khác, hai giáo sau “Bất tặc” cũng sai khác. “Đều tán thán đức Sơ địa Sơ trụ”: Trước các nhà hữu phiên (có dịch) thì dùng ba nghĩa để đặt tên, tiếp các nhà vô phiên (không dịch) thì dùng ba nghĩa làm nghĩa, nghĩa tức là “đức”. Cho nên, căn cứ trong giáo thì dùng ba nghĩa làm đức. Nếu căn cứ nhập vị bất định thì đầy đủ nên nói Địa, Trụ trở lên, giáng làm Phật rồi trở lại, tức căn cứ Biệt Viên tán thán bản căn cứ trở lại.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, giải thích hai lần, đầu tiên

căn cứ ba nghĩa tiểu, tiếp căn cứ ba đức đại. Trước nương vào danh tích để trình bày Bản tích, sau là căn cứ danh Bản để thông đến Tích, muốn nêu rõ danh thông nghĩa biệt. Nếu căn cứ thể dụng giải thích, thì trước giải thích theo dụng để nêu rõ thể, sau giải thích theo thể để lập dụng. Lại trước giải thích ba nghĩa để thông xưa, sau giải thích ba đức mà chỉ nay. Nếu lâu xa bản tích thì bốn thứ đều là tích. Nay gồm hai lần cho nên đại tiểu đều lập tên Bản. Vì sức nghĩa vô tận, cho nên chú thích “vân vân”. Sở dĩ Bản là bình đẳng đại tuệ, vô phá bất phá, mới năng chỉ bày tích các giáo Bất sinh. Bản chứng giải thoát vô tặc bất tặc, mới năng chỉ bày tích các vị Sát tặc. Bản đặc Pháp thân phi ứng bất ứng mới năng chỉ bày Tích làm “Ứng cúng”.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, trước trực tiếp dùng ba đức đối ba quán giải thích, do ba đức là cảnh nghĩa có thể thông quán. Tiếp trải qua quán để đối giải thích ba nghĩa trong danh, cho nên mỗi mỗi quán đều đầy đủ “Sát tặc”... ba thứ. Bên trên trong Bản tích, thì trước là đối giải thích danh, tiếp đối ba đức. Đây thì trước là đối đức, tiếp đối ba danh. Trong đó trước Không tiếp Trung. Trung lại có hai: Trước giải thích ba nghĩa, tiếp, dẫn kinh chứng minh để chỉ cúng dường, tán thán danh tự, quán hạnh, vị, nhân, công đức sâu. Dẫn kinh văn Phương Đẳng, đầy đủ như Chỉ quán quyển hai nói. “Văn dưới nói...” là Phẩm Pháp Sư nói: “Phật bảo Dược Vương! Nếu có người ác, do tâm bất thiện chê mắng người tại gia, xuất gia đọc tụng kinh Pháp Hoa, thì tội ấy rất nặng”. Đầy đủ như văn dưới.

“Bát phong”: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. bốn nghịch bốn thuận. Phật còn phải lâu mới lìa vô minh nghịch thuận, huống chi nhân gian ư? “Mất thời cơ tốt”: nếu sinh ưu khổ thì lỡ dịp đạo hợp. “Đại tổn vân vân” Sở dĩ dẫn Phương Đẳng và kinh này vì hai kinh đây tức là danh tự quán hạnh bất sinh..., cho đến tất cả văn quán hạnh đều nên dẫn, chỉ vì trong đó quán hạnh vị thuận tiện. Trong đây “dẫn Pháp Hoa luận...” luận kia chính căn cứ tất cả mười sáu câu, đều có ba môn:

1. Thượng thượng khởi môn, dùng sau giải thích trước.
2. Tổng biệt môn, dùng một câu “đều là A-la-hán” gọi là tổng, các câu dưới giải thích trên cho nên dưới gọi là biệt. Nay trước căn cứ luận dùng Tổng biệt môn, không dùng các câu ở luận văn, chỉ dựa vào năm câu của diệu kinh để giải thích, vẫn hợp năm câu để làm ba đức.
3. Nhiếp thủ sự môn: Trong luận liệt kê đủ tất cả mười sáu câu để giải thích đối sự, luận văn chỉ đem mười sáu câu để giải thích năm câu, không nói kinh thiếu. Cho nên, mười sáu câu nay văn không dùng. Từ

đầu biệt cho nên tổng căn cứ giáo xưa tán thán.

“Tam lậu”: 1. Dục lậu, là tất cả phiền não ở Dục giới, trừ vô minh. 2. Hữu lậu, là tất cả phiền não hai cõi trên, trừ vô minh. 3. Vô minh lậu, là vô minh ở ba cõi. Dẫn hai luận một luật: “Thành luận” căn cứ nghĩa mất, lợi thông nhân quả, “Luật” chuyên tại nhân, “Tỳ-đàm luận” chỉ quả. Do mất lợi nên nhân quả đều mất. “Bởi do...” là lại giải thích ba cái mất và nguyên do mất. Đầu tiên, giải thích mất lợi do nơi nghệp nhân, tức ý của “Thành luận”. Tiếp “Tạo các...” là giải thích nhân chiêu cảm quả, tức khổ sinh tử, nhân tức “Luật văn”, quả tức “Tỳ-đàm”. Tiếp “Bỏ Pháp thân...” lại giải thích ba câu, do ba lỗi trên nên mất ba đức, đọa sinh tử nên “bỏ Pháp thân”, tạo nghiệp nên “mất tuệ mạng”, lỗi đạo cho nên “mất báu quý trọng”. Ý nói: trong kinh một câu “các lậu” tức là phiền não, ba tướng mất đạo v.v... do đó mà có, đồng gọi là “lậu”, thế nên dẫn chứng. Tướng của “lậu” như thế nào? Cho nên ở đây biện minh rộng Kiến, Tư. Các câu dưới đều phá cổ nhân (người xưa) giải thích ba đức không đúng, cũng có thể thấy. “Phiền não...” giải thích câu tiếp, câu đầu căn cứ nhân quả tương đối, câu đây hoàn toàn nói nhân. “Sử...” là “chín mươi tám sử”, thông làm năng sử, đọa lạc sinh tử lấy đó làm sở sử. “Lưu” tức Tứ lưu nghĩa là Dục, Kiến, Hữu, Vô minh. “Ách” tên đồng với Lưu. “Triền” tức thập triền. Câu-xá nói: “Triền” có tám: Vô tâm, vô quý, tật, xan, hối, miên, trạo cử, hôn trầm, có khi là vì mười thêm phần, phú. “Cái” nghĩa là ngũ cái. “Đãi đắc” là đến kịp, chánh vì trừ hoặc nên công đức nói kịp (cập). Nói “Công đức Trí, Đoạn”: là do trước “sát tặc” thành công đức Đoạn. Đoạn ắt đầy đủ Trí công, thành “lợi mình”. Do “lợi mình” cho nên kham “ứng cúng”. Tiếp, “Tận các hữu kết...” nêu nhân quả đều trừ nên rõ “tâm được tự tại”. “La-hán chỉ nên kết tận...”, “Hữu tận”, Chẳng phải nay tán thán cho nên nói “chỉ là trong nhân nói quả”. “Hữu”: Nghĩa là báo tại hai mươi lăm hữu sinh xứ. “Tận tại không lâu”: Ví như Ca-diếp đợi cho đến khi Đức Phật xuất thế, cũng không gọi “lâu”. Nếu La-hán đều dùng biên tế định lực đem báo thân này nhập biến dịch, thì thân Phật sao nhập Niết-bàn ư? Nếu nói thân Phật quyền thị hiện, thì giáo kia văn nào nói quyền thị hiện ư? Hết thấy La-hán nếu đến thời Pháp Hoa đều hồi tâm, thì vì sao ngoại trừ bốn đại La-hán, mười sáu La-hán, còn lại đều nhập diệt. Nhục thân Bồ-tát đắc vô sinh lẽ ra đều không diệt. Câu “tâm tự tại” giải thích câu trên, hai giải thoát ắt lậu tận, nhân tận ắt quả vong, tuệ giải thoát tuy thoái mà đời nay ắt đắc. “Người câu giải thoát” ắt có tuệ, cho nên nói “cụ túc”, cho nên coi phiền não là giặc, sinh tử là sinh. Sở dĩ người xưa

không hiểu ý chỉ đây, cho nên lầm lỗi. Thế nên, biết câu ngữ đức tam pháp chỉ là một. Y luận tổng biệt giải thích đã xong.

Tiếp, nếu y luận dùng “Thượng thượng khởi môn” thì y luận dùng câu đầu giải thích câu La-hán xong, cho đến dùng câu năm giải thích câu bốn, còn lại không giải thích. Căn cứ đây chính là các câu dưới lần lượt giải thích-câu trên, cho nên được gọi là “Thượng thượng khởi môn”. Vậy thì năm câu đối với câu La-hán cũng thành Tổng biệt và Thượng thượng khởi.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, đầu tiên nêu năm câu là bản ba đức, tiếp “Tích chỉ bày...”, là chỉ nhị thừa, năm câu ba đức là Tích. Đầu tiên, trở lại y vào xưa là đức Bất sinh, cho nên Bản trụ bí tạng chỉ rõ ba đức La-hán. Niết-bàn là tổng dùng đối Bất sinh, tức hai câu đầu. Chữ “phiền não” là câu “phiền não tận”. Chữ “lậu lưu” là câu “Các lậu tận”. “Không còn...” là giải thích hai câu trên, nêu rõ là nhị biên tức “Bản bất sinh”. “Pháp thân...” là giải thích “Bản lợi mình”. Hai câu trên tuy tổng nêu Niết-bàn, mà nay nêu Niết-bàn là lợi mình, cho nên phải thuật riêng. Trong hai câu này, thì câu trên nêu tu, câu dưới nêu tánh, tu tánh tương đối. Trí Đoạn đối Pháp thân tu ba đức. Hai chữ “thật tướng” là tánh pháp thân, hai chữ “công đức” là tánh hai đức. Bản lợi tu tánh, cụ túc chỉ đủ nhị thừa ba đức. “Được Vương Tam-muội...” là nêu rõ Bản tích hai câu bốn và năm, cũng y Sư xưa làm đức “sát tặc, phá hữu” tức câu thứ tư, ngã tánh tức câu thứ năm do phá phiền não tặc. “Vương Tam-muội”: Huyền văn giải thích hai mươi lăm thứ Tam-muội đều đầy đủ bốn nghĩa:

- 1) Các hữu tội lỗi.
- 2) Bản pháp công đức.
- 3) Kết hạnh thành.
- 4) Từ bi phá hữu.

Bản địa công đức, từ lâu đã thành tự bản ba đức. Tội lỗi tức là ba thứ tặc..., bản ba đầy đủ tức kết hạnh thành. Bản, thời ứng cúng là phá hữu. Nay lại dùng nghĩa xưa, do không mất Đại cho nên biết “đã tận”, cũng là “bất sinh”, tận kết nghĩa thông sát tặc. “Tám tự tại ngã” cũng gọi là tám thân biến đầy đủ như trong Chỉ Quán và Thích Tiêm nói.

Trong phần “Giải thích theo Quán tâm” cũng đầy đủ năm câu: Đầu là hai câu nói đức đầu tiên. “Năng quán...” là một câu nói đức kế tiếp. “Chánh quán...” là hai câu nói đức thứ ba. “Tuy có phiền não...” là lập lại giải thích hai câu trong đức thứ ba. Đầu giải thích câu đầu. “Không đoạn...” là giải thích câu tiếp, “như không phiền não” là kết

tận, “mà nhập Niết-bàn” là tự tại. Căn cứ danh tự quán hạnh, đều được gọi là “như không có phiền não, nhập Niết-bàn”.

Trong “Phần thứ năm: Liệt danh”, đầu tiên tổng chia làm năm: 1. Hiện số. 2. Lập danh ý. 3. Chứng lập ý. 4. Tiêu Thích ý. 5. Dụng nghĩa ý. Trong dẫn chứng phần nhiều dẫn kinh A-hàm, như trong kinh Tăng Nhất liệt danh bốn chúng, đều có thiên về tốt để dẫn đồng loại. “Mỗi mỗi có bốn giải thích vân vân”: tức nhân duyên... bốn thứ không liệt kê nữa. Nhưng các thánh nhân duyên phần nhiều dựa vào sơ giáo vì là bắt đầu cảm ứng. Cho nên các Thánh ban đầu nhân đều ở ngoại đạo, vì phá ngoại đạo, ở trong Thích chủng được điều phục, được dẫn dắt làm chủ và sẽ dẫn dắt tiếp chúng. Vì vậy nói đầy đủ sự nhập thai, lập hạnh, quyến thuộc, Thầy bạn, hoặc nghịch, hoặc thuận, năng hóa sở hóa. Dù có thủy chung cố chấp không chuyển, cũng là nguyên do đời sau được phá. Hiện bày các Thánh thì Tích không chỉ lập ra, mỗi mỗi ở đều có cảm ứng, cho nên nghĩa Tứ Tất-đàn mỗi mỗi nên biết. Kinh Tăng Nhất kia nói chúng Tỳ-kheo liệt kê một trăm người, có người kiến lập phước, có người kiến lập doanh trại phòng xá, có người năng điều phục ngoại đạo, có người hay cung cấp vật dụng cho người bệnh, có người du hạnh giáo hóa, có người thôi làm việc, chấp tay ngay thẳng, có người ưa mặc y tốt, có người xấu bên ngoài không thẹn, có người ăn không chán đủ, có người nói năng thô vụng. Trong Ni chúng liệt kê năm mươi người: Như Câu-đàm-di Ni đầu đà khổ hạnh, Gia-thâu-đà-la hàng phục ngoại đạo. Trong hai chúng thế tục đều có điều tốt đẹp riêng. Chỉ nhân duyên các Thánh, thì văn nay lược, trong Đại luận nêu đủ rõ. Sự tích tuy biệt, đều là đại quyền.

Trong phần “Giải thích A-nhã Kiều-trần-như” thì phần đầu là Thế giới. “Nguyện...” là Vị nhân. “Hạnh...” là Đối trị. “Thái tử...” là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa đây vẫn tại giáo xưa chỉ do giáo lựa chọn tiến hay không hay không tồn tại, tùy sự chuyển mà giải thích khiến thuận tứ Tất-đàn. Đoạn dưới đều như vậy.

Trước kia thờ hỏa: tuy thờ hỏa nhiều chẳng phải ban đầu đắc đạo hỏa không thành đức, cho nên bắt đầu đắc đạo được tên Chiếu Thiêu tức phá tối tăm, nhân diệt vật diệt thì quả mất, ban đầu quả tuy chưa mất sau ắt mất. Như người rơi xuống hang núi, không biết chính là biết không, Phạm âm là đảo, biết được không tức là chân đế, cho nên dẫn Chân đế trong Nhị đế.

Tiếp dẫn hai kinh một luận: Bản tế chỉ là biết chân đế. “Nguyện”, là rút trong kinh Nhân Quả, tức Phật khi làm Bồ-tát bản nguyện độ

trước. Tiếp, “Lại, Ca-diếp...” tức là nguyện mình. “Xét rằng đêm dài...” là Trần-như hưng khởi so sánh, sinh tử như đêm dài của thế gian, mặt trời xuất hiện khiến thức tỉnh. “Nhật quang”: là các đại La-hán và các Bồ-tát, cho nên ánh sáng của sao, mặt trời đều phá sự tối tăm lớn của tự thân mình. “Vào núi học đạo...”: Kinh Trung A-hàm quyển năm mươi sáu và kinh La-ma nói: Đức Phật tại giảng đường Lộc Mẫu bảo các Tỳ-kheo: “Có hai thứ cầu: 1. Thánh cầu. 2. Phi thánh cầu. Thánh cầu: an ổn Niết-bàn. Lúc ta làm đồng tử mới mười chín tuổi, đi đến chỗ ông A-la-la-ca-ma-la hỏi rằng: Nương pháp ông hành Phạm hạnh có được không? Đáp: Có thể được. Hỏi: Vì sao pháp này tự biết chứng? Tiên đáp: Ta đã vượt qua Thức xứ, đắc Vô sở hữu xứ; tức liền đến viễn ly xứ tu chứng đắc rồi, thì trở lại đến chỗ tiên thuật lại việc mình đã chứng đắc. Tiên hỏi: Ông đã chứng Vô sở hữu xứ chưa! Ta đã đắc ông cũng đắc ư! hãy cùng nhau lãnh nhận chúng. Ngài lại nghĩ pháp này không đi đến trí tuệ, không đi đến Niết-bàn, đâu có thể lại cầu chỗ an ổn ư! Vì vậy nên lại đến chỗ Uất-đà-la-la-ma tử, nói: Tôi muốn học theo pháp của ông! Vị kia đáp: Được! Ngài hỏi: Ông tự biết chứng ư? Đáp: Ta vượt quá Vô sở hữu xứ, đắc Phi tưởng định, ta từ lâu đã chứng đắc. Ngài liền tu theo và đắc định, v.v... cho đến lãnh nhận chúng. Ngài lại nghĩ rằng pháp này không hướng đến Niết-bàn, liền bỏ đi đến núi Tượng đầu thôn Bê-la-phạm-chí bên dòng sông Ni-liên-thiền, trải tòa ngồi thiền, thể không đứng dậy, sau Ngài đắc vô thượng an ổn Niết-bàn, đạo phẩm thành tựu bốn trí đầy đủ.

Tiếp đó, Ngài suy nghĩ ai đáng được độ trước, nghĩ rồi biết đâu có thể độ trước hai vị Tiên, trên hư không có tiếng nói: Hai vị ấy đã mạng chung, trải qua bảy ngày, ta cũng tự biết. Nghĩ rằng: Nên độ Uất-đà-la-la-ma tử. Chư thiên lại bảo vị ấy chết đã hai tuần, ta cũng tự biết. Nhân lại nghĩ rằng: Xưa năm người theo giúp ta rất khổ nhọc, nghĩ rồi quán biết năm người đó đang ở thành Ba-la-nại, rồi liền đi đến. Năm người kia xa thấy đức Phật tiến đến, liền bảo nhau rằng: “Sa môn ấy ham cầu nhiều ăn uống gạo lứt tô mật dầu mè xoa thân, nay lại đến đây chúng ta chỉ ngồi yên tại tòa mình, chớ có mời ông ấy ngồi”. Khi đức Phật đi đến rồi, với dung nghi đoan trang đĩnh đạc khiến mọi người cung kính đồng nói thỉnh mời ngồi và chia nhau đi lấy nước, trải tòa. Đức Phật ngồi xong trước hết dạy hai người, ba người đem thức ăn đến và sáu người cùng ăn. Tiếp sau dạy ba người, hai người đem thức ăn đến và sáu người cùng ăn. Phật lại dạy: Có hai thứ hành: 1. Đấm ngũ dục. 2. Đấm chấp khổ hạnh. Nên lìa hai thứ đó, gọi là Trung đạo. Tiếp vì năm

người, Phật nói ví dụ, tiếp nói Tứ đế, năm người đắc quả vô lậu. Nhiều luận nói : Phật vì ba người hai người nói pháp. Đi đứng không đồng: do ba người là bên phụ thân, hai người là bên mẫu thân. Muốn biết rõ việc khất thực và việc thuyết pháp Bất không, thì căn cứ trong luận Bà-sa: Ngày đầu chia làm hai người thì sáu người cùng ăn, ngày sau chia làm ba người thì năm người cùng ăn. Do Phật tánh thì lìa phi thời thực, lúc bấy giờ đức Phật chưa vì đệ tử mà chế ra phi thời thực, trải qua ba tháng giáo hóa, hoặc nói bốn tháng, ngoài ra như luận văn. Nói ba người bên phụ thân: Nghĩa là Mã-tinh, Ma-nam, Câu-lợi. Ngoài ra là bên mẫu thân.

Đầu tiên thấy Phật đạo tướng bình đẳng: Thấy đầu tiên là Kiều-trần-như, vì người sau tướng trước, nên nói: Phật như cái trống, cơ duyên như dùi trống, pháp luân như âm thanh. Nghe đầu tiên: năm người đều là ban đầu, nhưng Kiều-trần-như ngộ đầu tiên nên gọi là “người đầu tiên nghe, hưởng đạo phẩm”. Cơ duyên xưa như thân, pháp luân như hương, đầu tiên ngộ gọi là uống cam lộ diệt lý. Pháp lưu tức Sơ quả, đặng chân tức Kiến đế. Phân biệt công đức luận nói: Vị trưởng tử đầu tiên của Phật tức Kiều-trần-như, vị đệ tử cuối cùng tức Tu-bạt, nay chưa thọ hóa nên không luận. Căn cứ trong giáo ứng biện rõ giáo sai khác chỉ nêu quán sai khác vì theo quán phán giáo, lý dễ phân chia nên uyển chuyển theo, dùng quán mà phân biệt. Huống chi một vạn hai ngàn người, thì Kiều-trần-như đứng đầu, Vô sinh chính là tông của các pháp quán, khiến nghe danh biết hạnh, theo người biết tâm, cho nên Đại sư tán thán Chương Sơ xưa nói: “Hận không thấy mặt kia chỉ hận không thấy người kia, nay thấy văn kia thì thấy tâm kia. “Nay như vậy...” tuy không thấy người mà chính thấy trí kia.

Trong phần “Giải thích theo Giáo”: Ban đầu, người Tam tạng giáo không hiểu “bóng giả” cho nên dùng nghĩa mù trong A-hàm làm thí dụ.

1. Tổng lập thí dụ cảnh trí.

2. Tiếp, “Đầu v.v...” là thí dụ cảnh nhân quả, như sáu phần hòa hợp thành thân, như hòa hợp thành nghiệp, nghiệp nương giá cha mẹ như hình đối bóng sinh, bóng ắt không thật, do cho là thật khiến ấm sau sinh khởi. “Mù ví như vô sinh trí”, không thấy ví như không chấp thủ.

3. “Nếu mở mắt...” là nói rõ nghĩa: “sinh bất sinh”, trong đó đầu tiên do chấp nhân nên quả sinh. Tiếp, “nếu nhắm mắt...” là dụ cho không chấp nhân nên quả không sinh. “Kính” (gương), là giúp nhân đắc quả, lại do chấp tâm duyên theo đó, mới trợ giúp nhân mà sinh quả.



Văn dưới căn cứ theo đây.

Trong đó có hai: Đầu tổng sau biệt. 1. Tổng nêu Bất sinh; 2. “Không thấy...” là tổng liệt kê nhân quả bất sinh. Tiếp, “Cho nên kinh A-hàm...” là ba khoa trong biệt chia làm hai: Đầu quán ấm, sau nhập giới. Trong quán ấm, có hai: Trước nói rõ ấm sinh làm cảnh. Tiếp “Nếu có thể...” là Vô sinh quán trí. Phần đầu lại có ba: Pháp, Dụ, Hợp. Trong Pháp nghĩa gồm tổng biệt hai cảnh, nghĩa là nhân chấp sắc tịnh nên bốn thứ còn lại đều tịnh. Lạc... cũng vậy. Vậy năm ấm đều tịnh, thường..., tức tổng cảnh. Trong đây, tưởng hành lễ ra nói cho đến thọ, thức nên nói cho đến tưởng hành. Văn lại nhất vãng.

Tiếp, trong phần “Giải thích theo Quán tâm”, chia làm ba: 1. Chánh nêu dụng quán. 2. “Đã biết...” là nêu quán thành phá hoặc. 3. “Như vậy...” là căn cứ nhân phá quả. Đầu văn lại có ba: Pháp, Dụ Hợp. Nên biết trong thí dụ Gương nếu không đối, mù thì Bản ở diễn môn, cũng có thể thông dụng, đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Trong Pháp có hai: Giải thích và kết. Giải thích có hai: Đầu, là biệt. Sau, “Lại có thể...” là tổng. “Thấy đều vô thường...” biết trong sắc thiếu chữ “vô ngã”. “Đó gọi là...” là kết. “Như mù...” là dụ. “Đó là...” là hợp. Tiếp, “Đã biết...” nêu quán thành phá kiến, trong đây tức phá hai mươi thân kiến. Tiếp, “Như vậy...” là căn cứ nhân phá quả, trong đó có pháp, dụ, hợp. Tiếp, trong phần “Quán nhập giới”, trước nêu cả hai nhập giới; tiếp theo là Chánh giải thích. Trong giải thích, trước lại nương đây tiện nêu nhân duyên, cho nên biết tiền ấm tức là niệm xứ quán, thuộc Tứ đế. Trong đó, cũng trước đại hải dùng dụ cảnh sinh. Tiếp, “Vì sao...” là lấy khổ chủng dụ quán bất sinh. Trong cảnh đầu tiên thì trước là căn cứ nhập, tiếp là dùng giới theo lệ. Phần đầu, trước là căn cứ hai nhập sắc và nhân, rộng nêu rõ. Tiếp, “Nhĩ, tử...” là nêu mười nhập theo lệ. Đầu căn cứ trong nhãn sắc nêu đủ mười hai nhân duyên. Đầu tiên, trong Vô minh, dụ văn tại trong kinh A-hàm.

“Ngũ bào”: hai tay hai chân và đầu. Trong Thí dụ thiếu năm trần. Tiếp trong quán chia làm hai: Đầu nhập, tiếp dùng giới theo lệ. Trong phần nhập có hai: Trước nói rõ nhãn sắc, sau dùng mười nhập theo lệ. Trong phần nhãn sắc có ba:

1. Lược nêu bất sinh.
2. Tiếp, từ “Vì sao khổ ?” Trở xuống: Ngược lại giải thích sinh.
3. Từ “Nếu biết...” chánh nêu dụng quán.

Đầu, trong lược quán chính lấy mùi hôi dùng dụ nhân duyên, đã do sân nhuế niệm dục là mầm giống khổ tức vô minh. Lại do chấp pháp

trần thiện ác làm nước trùng giời hôi thối là hành, hai thứ này không sinh nên mười nhập không sinh. “A-nhã tối sơ...” là kết, như văn. Trong Thông giáo quán dùng “cảnh tức” cho nên không cảnh lập trước, cũng chia làm hai: trước là ấm, sau là nhập giới. Trong ấm, cũng có hai : trước là tổng, sau từ “Lại, quán...” là biệt. Tổng là tổng dùng gương tượng dụ năm thứ, biệt là năm dụ đều biệt thí. Cả năm, đều là đầu dụ sau hợp. Trong tổng thì trước là căn cứ sắc ấm, tiếp là dùng bốn thứ theo lệ. Cũng như dùng khăn bịt mặt mà cầu thấy trăng thì không thể được, người cùng gương soi đều gọi là huyễn, nhân duyên đều từ nhân duyên sinh. Nhân thật duyên thật hòa hợp sinh, mà còn tự như huyễn hướng chi cái do huyễn nhân duyên sinh mà không phải huyễn? Như khăn như được đối với thổ, gọi là thật, thổ đối với khăn được, gọi là huyễn. Gương tượng cũng vậy, hướng chi nay trước thấy nhân duyên như huyễn, tượng không phải huyễn ư! Chi tiết đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Nay lại lược biện minh khiến biết quán biệt, cho nên không luận rộng. Nay cũng có đủ hai Không.

Tiếp, “Quán căn trần...” là quán Giới Nhập, cũng lại nương Giới Nhập để nêu rõ nhân duyên nên nói “vô minh v.v...”. Trong đó có hai, trước là nói căn trần vô minh, tiếp “phiền não...” là nói ba đời tức mười một chi, đều có dụ và hợp. Trong dụ nói căn trần tụ lạc, là văn trong Đại Kinh quyển hai mươi một nói. Lại dùng cơ quan để giải thích thành nghĩa căn trần hòa hợp. Kinh nói: Ví như có vua đem bốn con rắn độc bỏ vào một hộp. Sai người nuôi dưỡng cho ăn và nhìn xem chúng nó nằm hay dậy, nếu để cho một con rắn nổi sân, thì ta sẽ theo pháp giết bêu ngoài chợ, người ấy nghe vua nói xong liền bỏ hộp rắn chạy trốn. Lúc bấy giờ vua lại sai năm người Chiên-đà-la cầm dao rượt theo, một sai một người trá làm thân hữu mà nói rằng: Ông có thể trở về. Người kia không tin, nương tựa vào tụ lạc, đều không thấy người, cầu vật không được, liền ngồi xuống đất, nghe trên không trung có tiếng nói rằng: Đêm nay sẽ có sáu đại tặc đến. Người kia sợ hãi lại bỏ đi, cho đến giữa đường gặp một con sông chặn ngang dòng mà đi v.v... Hợp lại nói: Rắn nếu hại thì người không đọa vào đường ác, người không có sức tam học ắt bị ngũ ấm ví như năm người Chiên-đà-la hại, như không biết ái giả làm người thân đối trá. Phải quán, xem sáu người ấy như ở tụ lạc không người mà gặp đám giặc trụ ở sáu trần sáu nhập, muốn bỏ thì lại gặp dòng phiền não chảy nhanh, nên dùng thuyền đạo phẩm, vận tay động chân vượt qua sông Phân đoạn sinh tử, hàng Thập trụ chưa tránh thoát chỉ có Phật mới cứu cánh.

Kinh văn bản dụ tam thừa thủy chung, nay dụ Thông giáo Thanh văn quán pháp. Nói “cơ quan”: “Cơ” là cơ nhỏ nhiệm nghĩa có thể phát khởi, “quan” là chi tiết liên quan nhờ người mà động. Phàm kết thân khẩu đều do ý động mà thành tác nghiệp. Đã nói “tự không” tức vốn không. Nói “vân vân” là bỏ bớt đi văn nói về Giới, đầy đủ như trên trong Tam tạng giáo đã nêu, nhất vắng lại như vậy. Nếu theo tu quán chẳng thể hiểu được như vậy. Tiếp, trong phần “Biệt quán”, cũng trước dụ cảnh trí. “Nếu muốn...” là khởi hành. Trong phần đầu thì trước là lập cảnh trí, tiếp “Màu xanh...” là nêu cảnh thể lượng, sau “Đều đối...” là kết ý. Trong phần đầu lập thì trước là cảnh, tiếp là quán. Trong phần cảnh, đầu nói “gương dụ cho pháp giới”. Thông giáo coi “mê ngộ, sự lý, trước sau, tự tha” đồng y một pháp giới. Chân như tại mê năng sinh cứu giới, tức chỉ quả Phật làm Phật pháp giới, cho nên, tổng nói mười. Vì vậy người Biệt giáo thì vô minh che lấp lý làm nhân của cứu giới. Cho nên, trong văn tự hành hóa tha đều phải đoạn cứu, cứu tận mới gọi là duyên liễu đầy đủ, vì đủ nên chánh nhân mới rõ ráo hiển. Tiếp, “thể lượng”: Trong đây chỉ dùng tám pháp “xanh v.v...” dụ cho mười giới, hoặc ly hoặc hợp tùy tiện mà nói, cho nên hợp nhị thừa và dùng nhân thiên, lại lược bớt Tu-la nhưng khai Bồ-tát cũng có thể Sơ địa làm Phật pháp giới. Các văn khai hợp tùy nghĩa căn cứ có thể biết. Lại “xanh, vàng v.v...” sơ tâm Biệt giáo cùng Tạng không khác biệt, cho nên được. Nếu dùng dụ trong kinh Chánh Pháp Niệm, thì chỉ thêm “ngắn, dài...” mà thôi! Nói “đều ở trong gương”: là không ra ngoài pháp giới, pháp giới không ngoài mê ngộ, mê ngộ không ngoài tâm.

Tiếp, “khởi hạnh” lại có năm phần:

1. Chỉ phần hạn tự hạnh hóa tha, do trong Biệt giáo không có tánh đức cứu, nên tự tha đoạn, biệt tu duyên liễu, mà nghiêm bản hữu thường trụ pháp thân.

2. Tiếp “Y nơi pháp giới...” là y cảnh khai hạnh cũng chỉ lý bị chín giới che lấp mà làm sở y. Pháp giới chỉ là pháp tánh, lại là sở y của mê ngộ, trong đó cũng nên nói: Từ vô trụ bản, lập tất cả pháp, vô minh lấp che (phức) lý, năng phức sở phức đều gọi là vô trụ. Chỉ vì “tức và bất tức” khác nhau, mà phân giáo sai khác, nay ngược mê thành ngộ, chuyên duyên lý tánh mà phá chín giới.

3. “Thứ đệ....”, là nêu nhân diệt.

4. “Nếu không có...” là nêu quả diệt.

5. “Sinh cũng...” là tổng kết nhân quả.

Song nêu bất sinh, tức Giới nội ngoại hai sinh, bất sinh. Hóa vật

biện theo chiều ngang thì vẫn thiếu, không luận.

Tiếp, trong phần “Căn cứ Viên giáo quán Vô sinh trí”, thì trước dụ, sau là hợp. Trong dụ, nói “Quán gương” là nhất pháp giới. “Đoàn viên”: là lý cảnh trí, “quán” tức là trí, “đoàn viên” là cảnh. Tiếp “Chẳng quán...” là nêu quán tướng, “sau lưng” tức vô minh, “trước mặt” tức trí minh. “Gương” là nhân mười giới. “Hình” là duyên mười giới. “Tượng” là quả mười giới. Lại “Gương” chiếu sáng tánh mười giới. “Tượng” sinh tu mười giới. Cho nên “hình, tượng, tu, tánh” đều đủ mười giới, đều không ra ngoài gương lý pháp tánh. Thấy rõ “hình, tượng, tu, tánh” bản như, trong ngoài gương một lần lìa tình tướng phân biệt theo ba giáo, tổng dùng Bất nhị vô phân biệt trí, y lý thông suốt thì tiêu mất cái sáng tối của tâm cảnh, cho nên nói “chẳng quán”. Quán cảnh không khác, lý không sáng tối nên nói “Chẳng phải sau lưng...”. Căn cứ tu đắc mà thuyết, nên nói “Chẳng chấp...”.

Tiếp, “Chỉ cần quán...” kết ý trung, “chỉ cần” là tổng lược xuất tướng quán kia, không mưu toan mà chiếu, “chỉ cần quán đoàn viên” vì “vô thủy chung” nên “không bờ bến”. Vì bản hữu nên vô thủy, vì thường trú nên vô chung, sáng tối như trước. “Không một khác”: là song phi tượng vô tượng. “Chẳng chấp...” là hợp. Đầu tiên, “Chẳng chấp...” là tiêu mất mười giới trước, thiện ác sáu giới, dùng sáu đối tiểu nên nói “tà chánh”, do Bồ-tát Phật dùng đối nơi tiểu cho nên nói “Đại Tiểu”. “Hết thấy đều tiêu mất”, cho nên đều nói “không”, không còn phân biệt hoặc “tánh” hoặc “tu”. “Chỉ cần duyên...” là tiêu mất tâm cảnh trước, do “pháp tánh thật tướng” tức là tam đế tam quán, hết thấy Phật pháp đều đại. Hoặc “tiêu mất” hoặc “chiếu” đều là pháp tánh. Thể của pháp tánh thì lìa mất lìa chiếu, cho nên toàn là mất chiếu. “Quán phiến nào...”: Nêu quán thể, chỉ quán ba đường, sinh tức khổ đạo, ba đạo tức ba đức. Trong đó đầu tiên tổng nêu lập quán, từ “Ấm nhập giới tức Pháp thân” trở xuống, là dạy dùng quán pháp. Bản quán lý là bất quán nhiễm trừ; thể của nhiễm tự hư, bản hư gọi là diệt, cho nên diệu thể diệt, không lập tên “trừ” Thể của chướng tức đức, không đợi chuyển trừ, cho nên nói “sinh tức vô sinh”. Tiếp “Giải thoát tức nghiệp...” là kết thành vô sinh. Tiếp, “Chính tam Bất sinh...” là phức sơ tổng kết.

Tiếp “Hướng chi biến dịch...”: lấy trọng so sánh khinh, giới nội chướng nặng mà còn là diệu đức, hướng chi ngoại giới nhẹ ư! Nay vẫn căn cứ tột cùng là ba đường, nếu luận đủ thì nên căn cứ ba pháp, trong đây căn cứ Viên quán, không đồng với Tạng Biệt trước cảnh sau quán, bởi vì hoặc pháp hoặc dụ đều không hai, nói “tuy tự Thông quán cảnh

Biệt”. Sở dĩ trong phần “Giải thích Kiều-trần-như”, giáo tướng căn cứ quán, vì nghĩa kia rộng dùng đó làm đầu tiên. “Nếu nghe chữ A hiểu tất cả nghĩa” trở xuống, là nói các Thánh tùy sự riêng biệt, mà luận quán hạnh của họ không ra ngoài Vô sinh, như Đầu-đà Đầu-tẩu cho đến Mật hạnh, cũng đâu có ngoài Trí Đoạn Vô sinh, cho nên văn dưới căn cứ đây có thể biết. Nói: “vân vân” là đáng lẽ phải nêu đủ mười thừa mười cảnh và phương tiện v.v..., hoàn toàn chỉ một bộ văn Chỉ Quán. Cho nên Chỉ Quán phá khắp, trong đó cũng lấy Vô sinh làm đầu, nên nay lược chỉ đại cương. Nếu đối A-nhã mà quyền thật thủy chung không mê, muốn dùng Viên quán để hiểu năm Phật trong kinh này thì tam chu, bản tích, lưu thông đều là đại thể của Vô sinh, tức năng gồm biết một đời quán cảnh. Cho nên, phần nêu tên thì lược chỉ khái quát, như người đời vì con lập hiệu còn có tiêu biểu hướng chi các Thánh giả lẽ nào lại không? Nếu không như vậy, thì uổng phí thiết lập tên gọi Vô sinh, vĩnh viễn không có ý chỉ Vô sinh, Đại Tiểu lẫn lộn, quyền thật mờ昧. Đây một đã rõ, ngoài ra theo lệ như đây.

Trong phần “Giải thích theo Bản tích”, thì đầu tiên căn cứ năm vị, chính là chỉ bày Bản tích, trong đó chữ A hiển khắp tám giáo. Tiếp, “Chúng sinh...” là khuyên chúng sinh tư duy đủ thì công năm thời hoàn tất. Tiếp, “Chẳng phải bốn...” là nêu rõ công thể dụng bất tư nghì xong. “Cho nên văn dưới nói....” là dẫn khai tích chứng, nói các thứ cũng không ra ngoài năm thời tám giáo. Lại, tùy bản ngắn dài, tất cả kinh dù hạn độ bao nhiêu đều thuộc năm thời tám giáo, chỉ bày không sinh. Dẫn “A-hàm”, là dẫn Tích chứng Bản, nhờ Bản Tích trong Tích chỉ bày sự cao thấp kia, bản địa cao thấp chẳng phải đây có thể kể lại hết. Tập A-hàm quyển ba mươi một nói: Phật ở Xá-vệ, vào một đêm tối trời mưa nhỏ, bảo với A-nan rằng: ông lấy lọng che đèn đi theo Phật, A-nan nhận lời dạy đi đến một nơi, đức Thế Tôn mỉm cười. A-nan bạch Phật, Phật dạy: “Không phải không có nhân duyên, ông nay cầm lọng đi theo ta, ta thấy Phạm Vương cầm lọng che đèn đi sau Kiều-trần-như, Đế Thích-cầm lọng che đèn đi sau Ca-diếp, cho đến Tỳ-sa-môn thiên vương sau Kiếp-tân-na... Do đó thiên thông tựa: “Như thị” cho đến các Thánh đệ tử đều đầy đủ bốn giải thích. Do “Như thị” thông chỉ một bộ, Ngã văn năng văn một bộ. “Thời, Xứ, Giáo chủ” ắt không cách khác, đều là đại lược kinh này. Hướng chi các đệ tử tại Đại tại Tiểu, hoặc hiển hoặc tối, là chủ là bạn, thị hiện áp ứng hay lưu loát, có cong có thẳng, chán ngoài, ưa trong trái Đại hưởng Tiểu, dẫn Tiểu nhập Đại, hội Thiên qui Viên, từ nhân quả đều vì chúng sinh làm “chủng, thực, thoát” quá

---

khứ, vị lai hiện tại đều lợi ích, chỗ trải qua đã nhiều thời xứ chẳng phải một. Bởi do cơ duyên chúng sinh thuận thực chưa đồng, nay đã đều hội, dùng xưa hưởng về nay khiến Giáo, Nhân, Pháp nay tốt đẹp. Cho nên, dùng bốn cách giải thích khiến liễu cơ, ứng từ ngoài đến trong, sau nhập Pháp Hoa Bản Tích hai môn, trước sau ngộ nhập, đều nhờ chúng ảnh hưởng và chúng phát khởi dẫn dắt. Tùy nghe một câu hoặc nhân hoặc pháp, đều thành oai nghi hóa độ, đều có thể làm quán. Vì thế đối với một người đều giải thích theo các cách, hướng khiến đời sau nghe danh khởi hạnh, thọ giáo biết thể, tư duy Tích thấy Bản, dùng nhân duyên kia rộng chiếu từ đầu đến cuối. Nếu hiểu được ý này, thì dù là nơi một người, một câu kinh đều có thể dùng làm cảnh thượng cầu, có thể để biết cơ duyên hạ hóa, có thể để hiểu Thánh giả hóa nghi, có thể để hiểu biết phàm phu nắm thọ lợi ích, có thể để thông đạt danh nghĩa đồng khác, có thể để biết Lý, Hạnh v.v... sai khác, có thể để biết tùy nghe thành quán, có thể để hiểu nhân pháp tích bản, có thể để tin hóa sự lâu dài, có thể để ngưỡng mộ ân Thánh khó báo, có thể để biết chúng sinh khó hóa, có thể để biết hội lý rất khó. Người khác không thấy thì cho là phiền phức. Hướng chi hiểu được ý này, hãy nghe các kinh một pháp một sự một nhân một hạnh thì hiểu việc Phật trong mười phương ba đời, chỉ trừ Tịnh độ còn lại các trần thi hóa, hướng lại cũng để Tỳ-kheo tư duy việc đó. Cho nên, biết chư Phật dụng giáo hiện thân tuy lại không đồng, nhưng môn Tư Tu thì lý không sai biệt.

